THÙNG XE TẢI BẢO ÔN

INSULATED TRUCK BODY

UD TRUCKS CDE 280

www.tuv.com
TÜVRheinland
ID:9105064615
• ISO 9001

www.quyenauto.com

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL	ĐVT / *UNIT*	CDE 280	CDE 280
Loại xe / *Vehicle type*		**Ô tô tải bảo ôn** *Insulated Truck*	**Ô tô tải bảo ôn** *Insulated Truck*
Nhãn hiệu / *Mark, model code*		**UD TRUCKS QUESTER CDE 280** **CDE62TR 08MJ-QUYEN AUTO.BOAS**	**UD TRUCKS QUESTER CDE 280** **CDE62TR 08MJ-QUYEN AUTO.BO1**
Công thức bánh xe / *Wheel formular*		6 x 2	6 x 2
Thông số về kích thước / *Dimensions*			
Kích thước tổng thể (D x R x C) *Overall (L x W x H)*	mm	**11470 x 2500 x 3880**	**11470 x 2500 x 3880**
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) *Body's external dimension (L x W x H)*	mm	**9100 x 2500 x 2550**	**9100 x 2500 x 2550**
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) *Body's internal dimension (L x W x H)*	mm	**8850 x 2320 x 2310**	**8850 x 2320 x 2310**
Chiều dài cơ sở / *Wheel base*	mm	5600 + 1370	5600 + 1370
Vệt bánh xe (Trước / Sau) *Wheel track (Front/ Rear)*	mm	2026 / 1835	2026 / 1835
Chiều dài đầu xe / đuôi xe *Overhang (Front/ Rear)*	mm	1460 / 3040	1460 / 3040
Khoảng sáng gầm xe *Ground Clearance*	mm	265	265
Chiều rộng cabin / *Cabin width*	mm	2480	2480
Thông số về khối lượng / *Weight*			
Khối lượng bản thân / *Curb weight*	Kg	**10420**	**10420**
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế *Payload*	Kg	**13450**	**13300**
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế *Max gross vehicle weight*	Kg	**24000**	**24000**
Khối lượng phân bố lên trục trước / sau *Dispose on front axle / rear axle*	Kg	6400 / 17600	6400 / 17600
Số người cho phép chở kể cả lái xe *Seating capacity including driver*		2	2
Bánh xe và lốp / *Wheels and tyres*			
+ Trục 1 (Bánh đơn) *+First axle (quantity:2)*		11.00R20	11.00R20
+ Trục 2 và 3 (Bánh kép) *+Second and third axle (quantity:4)*		11.00R20	11.00R20
Thiết bị điện / *Electric equipment*			
Áp định mức: 24V *Out put: 24V*		Ắc quy / *Batteries*: 12V - 150Ah - 2 bình	Ắc quy / *Batteries*: 12V - 150Ah - 2 bình
Máy phát: xoay chiều *Alternator:*		24V - 80A	24V - 80A
Thiết bị chuyên dùng / *Special equipment*		-	Hệ thống cấp dưỡng khí (Máy Oxy) *Roots blower systems*

Lưu ý / *Note*: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / *Product specifications can be changed at any time without previous notice.*

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / *STRUCTURE OF SANDWICH PANEL*

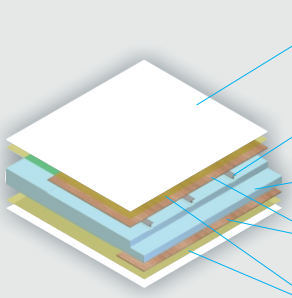

Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 6.2T	Sàn sóng / corrugated 6.2T	Sàn phẳng / Flat floor 8T > 24T	Sàn sóng / corrugated 8T > 24T
Panel sàn / *Floor panel*	100	110	130	140
Panel vách đầu *Front wall panel*	85	85	110	110
Panel vách 2 hông *Two side wall panels*	80	80	80	80
Panel nóc / *Roof panel*	105	105	105	105
Panel 2 cửa sau *Rear door panels*	80	80	80	80

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV Ô TÔ QUYỀN

* **NHÀ MÁY:** số 550, ấp 4, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.
* **Tel:** (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022
* **Fax:** (0272) 3769 023
* **Phòng kinh doanh:**
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com
* **Tư vấn kỹ thuật:**
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com